

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 75/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan,
tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng

12 năm 2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Thực hiện ý kiến của Hội đồng nhân dân Thành phố tại Công văn số 186/HĐND-KTNS ngày 06 tháng 5 năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1539/TTr-SXD-QLXD ngày 30 tháng 5 năm 2025, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 6812/BC-STP ngày 16 tháng 10 năm 2024 và ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư).

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng

STT	Diện tích chuyên dùng	Diện tích tối thiểu (m ²)	Diện tích tối đa (m ²)	
			Sở, Ban, Ngành	Quận, huyện, phường, xã, thành phố Thủ Đức
1	Diện tích phòng tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	24 (Chiều rộng tối thiểu 4m)	290	510
2	Diện tích phòng tiếp dân	18 (Chiều rộng tối thiểu 4m)	80	170
3	Diện tích phòng quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24 (Chiều rộng tối thiểu 4m)	90	70
4	Diện tích Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên)	- Chỗ ngồi không trang bị bàn viết: 0,8 m ² /chỗ ngồi. - Chỗ ngồi trang bị bàn viết: 1,8 m ² /chỗ ngồi. <i>* Các diện tích sân khấu, phòng chờ diễn, khu vệ sinh, hành lang và các diện tích phụ trợ khác tính toán theo quy định tại Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4601:2012 về Công sở cơ quan hành chính nhà nước - Yêu cầu thiết kế.</i>		
5	Diện tích kho chuyên ngành (tính theo diện tích sàn)	20	Tổng diện tích sàn xây dựng 9.280	Tổng diện tích sàn xây dựng 3.750

Đối với diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù (nếu có): Căn cứ tình hình, nhu cầu thực tế và các quy định của pháp luật có liên quan, cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu sử dụng diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù đề xuất, gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, lấy ý kiến tham gia bằng văn bản của Cơ quan chuyên môn có liên quan (nếu có) quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ (hoặc Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định này) về nhu cầu sử dụng. Trên cơ sở ý kiến của Cơ quan chuyên môn, cơ quan, tổ chức, đơn vị hoàn thiện đề xuất trước khi trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm với việc đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo diện tích chuyên dùng theo quy định.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh các khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo. Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan nghiên cứu; báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 5. Xử lý chuyển tiếp

Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì không xác định lại diện tích theo tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Quyết định này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, thành phố Thủ Đức, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng